

NGHIÊN CỨU VAI TRÒ CỦA HỢP TÁC XÃ TRONG SẢN XUẤT CHÈ AN TOÀN TẠI TỈNH THÁI NGUYÊN

Lưu Thị Thủy Linh, Nguyễn Sơn Hải^{*},
Vũ Xuân Quý, Hùng Ngọc Dũng, Hoàng Văn Đường
Trường Đại học Nông Lâm – ĐH Thái Nguyên

TÓM TẮT

Thái Nguyên là vùng chè trọng điểm của cả nước và có lợi thế cả về điều kiện tự nhiên cũng như trong sản xuất chè an toàn. Việc phát triển mô hình hợp tác xã (HTX) chè an toàn được xem là một hướng đi mới để nâng cao giá trị cây chè, đem lại thu nhập cao cho người dân, nhằm tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường cũng như tạo điều kiện để giúp đỡ lẫn nhau. Nghiên cứu được thực hiện nhằm nghiên cứu vai trò của HTX trong sản xuất chè an toàn tại Thái Nguyên, từ đó nghiên cứu những thuận lợi, khó khăn, cơ hội của HTX trong sản xuất chè an toàn, những thách thức của các HTX trong sản xuất chè an toàn, từ đó đề xuất những giải pháp giúp nâng cao vai trò của HTX trong sản xuất chè an toàn.

Từ khóa: Nghiên cứu, vai trò hợp tác xã, hợp tác xã, chè an toàn, chè Thái Nguyên

ĐẶT VẤN ĐỀ

Để gia tăng giá trị sản xuất các mặt hàng nông lâm sản cần thiết phải tiến tới sản xuất theo hướng hàng hóa, chất lượng cao. Đối với cây chè của tỉnh Thái Nguyên, trong quá trình hình thành các vùng chuyên canh chè, nhiều hợp tác xã chè cũng được hình thành ở nhiều nơi. Phát triển mô hình HTX chè an toàn được xem là một hướng đi mới để nâng cao giá trị cây chè, đem lại thu nhập cao cho người dân, nhằm tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường cũng như tạo điều kiện để giúp đỡ lẫn nhau theo mô hình HTX.

Tuy nhiên số lượng các hợp tác xã chè hiện nay trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên còn rất ít, phổ biến vẫn là quy mô sản xuất nhỏ lẻ, manh mún, cơ sở vật chất còn nghèo nàn, lạc hậu dẫn đến việc sản xuất kinh doanh chưa đạt hiệu quả. Quá trình từ sản xuất đến tiêu thụ còn nhiều vấn đề bất cập như chưa giải quyết được vấn đề đầu ra ổn định cho sản phẩm chè, năng lực quản lý cũng như hoạt động kinh tế tập thể nhiều yếu kém, chưa phát huy được vai trò của nền kinh tế tập thể.

Để nghiên cứu tình trạng trên và đưa ra các giải pháp nhằm phát huy vai trò của HTX và các hình thức kinh tế hợp tác trong quá trình

sản xuất nông nghiệp hàng hóa theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên thì việc nghiên cứu vai trò của hợp tác xã trong sản xuất chè an toàn tại Thái Nguyên trong giai đoạn hiện nay là vô cùng cần thiết.

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Đối tượng nghiên cứu:

Đối tượng nghiên cứu là các hợp tác xã sản xuất chè an toàn trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Khách thể nghiên cứu là các hộ tham gia và không tham gia hợp tác xã trong sản xuất chè an toàn tại địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Phạm vi nghiên cứu: Số liệu thứ cấp sử dụng trong nghiên cứu được thu thập từ năm 2013 đến 2015. Thời gian nghiên cứu từ tháng 1 đến tháng 12 năm 2015.

Phương pháp nghiên cứu:

Nghiên cứu tài liệu: nghiên cứu, tổng hợp về hợp tác xã, các tài liệu từ Trung ương đến địa phương về hoạt động sản xuất chè, hoạt động sản xuất kinh doanh của các hợp tác xã, tổ hợp tác trong một vài năm trở lại đây

Phương pháp điều tra: sử dụng phương pháp phỏng vấn 60 hộ sản xuất chè, các cán bộ trong Ban quản trị của HTX. Số liệu thu thập được xử lý và phân tích bằng phần mềm

^{*} Tel: 01652 338323, Email: nguyensonhai368@gmail.com

SPSS (Statistical Package for Social Sciences) và Microsoft Office Excel. Số liệu sơ cấp thu thập năm 2016.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu đã thu được một số kết quả sau.

Về chuyển giao tiến bộ kỹ thuật

Từ năm 2013 - 2015 đã tổ chức chuyển giao tiến bộ kỹ thuật và đào tạo nông dân được 172 lớp cho 6.820 lượt người. Kết quả đã nâng cao nhận thức của người làm chè trong việc nhân giống, trồng, chăm sóc, BVTV, thu hái và chế biến do vậy diện tích, năng suất, sản lượng chè không ngừng được nâng lên.

Từ năm 2013 có 100% chè giống mới được trồng bằng phương pháp giâm cành, xây dựng 13 mô hình trình diễn kỹ thuật về trồng mới, thâm canh tăng năng suất, sản xuất chè an toàn chất lượng cao. Các mô hình đã được tổng kết rút kinh nghiệm và đang được nhân ra diện rộng. Chuyển giao kỹ thuật sản xuất cho 13 vườn ươm chè giống và sản xuất được 4,58 triệu cây giống đảm bảo tiêu chuẩn, giảm chi phí đầu tư, hạ giá thành, đáp ứng yêu cầu cho người sản xuất. Hàng năm phối hợp với Sở NN&PTNT tổ chức nghiệm thu và cấp chứng chỉ tiêu chuẩn xuất vườn cho các chủ vườn ươm giống chè theo tiêu chuẩn của ngành.

Thực trạng sản xuất chè an toàn của nhóm hộ điều tra trên địa bàn xã điều tra

Đối với sản xuất nông nghiệp nói chung và sản xuất chè nói riêng, các điều kiện phục vụ cho sản xuất hết sức quan trọng, quyết định cho việc nâng cao hiệu quả sản xuất. Từ

những so sánh cụ thể việc sản xuất của hộ tham gia HTX và hộ không tham gia HTX sẽ thấy được vai trò của HTX trong sản xuất và tiêu thụ chè an toàn.

Về giới tính và dân tộc: Trong 60 hộ điều tra, có 57 chủ hộ là dân tộc Kinh (chiếm 95%) và 3 chủ hộ là dân tộc Nùng (chiếm 5%). Chủ hộ là nam chiếm 31,67% và nữ chiếm 68,33% do trong sản xuất chè thì chủ yếu là nữ tham gia.

Về trình độ văn hóa: Qua nghiên cứu cho thấy, tỉ lệ chủ hộ có trình độ học vấn tiểu học chiếm 5%, trình độ THCS chiếm 46,67% và trình độ học vấn THPT là 48,33% trong tổng 60 hộ điều tra. Các chủ hộ hầu hết tốt nghiệp THCS và THPT.

Về đặc điểm của hộ trong lĩnh vực sản xuất: Trong tổng 60 hộ điều tra, có 30 hộ tham gia vào HTX và 30 hộ không tham. Với đặc điểm là xã thuần nông nên tỉ lệ hộ trồng chè chiếm tỉ lệ cao trong tổng số hộ điều tra, cho thấy người dân đã sử dụng tối đa diện tích cho trồng chè.

Về độ tuổi trung bình của các hộ tham gia vào HTX là 45 tuổi, tuổi các hộ không tham gia vào HTX là 50 tuổi, hầu hết ở độ tuổi này các chủ hộ đã ổn định cơ sở vật chất, vốn sống và kinh nghiệm trong sản xuất chè.

Về nhân khẩu và nguồn lao động của hộ thì số nhân khẩu tham gia lao động gia đình chiếm tỉ lệ trung bình của hộ tham gia HTX là 2,83 lao động, hộ không tham gia vào HTX là 2,57 lao động, đây là nguồn lao động ổn định đảm bảo cho sản xuất chè.

Bảng 2: Thông tin chung về các hộ điều tra

Chỉ tiêu	ĐVT	Hộ tham gia HTX	Hộ không tham gia HTX	Tổng cộng
Giới tính	Nam	7	12	19
	Nữ	23	18	41
Dân tộc	Kinh	30	27	57
	Nùng	0	3	3
	Tiểu học	0	3	3
Trình độ văn hóa	THCS	8	20	28
	THPT	22	7	29
Độ tuổi bình quân của hộ	Tuổi	45	50	-
Số nhân khẩu TB/hộ	Người	4,53	4,13	-
Số lao động TB/hộ	Lao động	2,83	2,57	-

(Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra, năm 2016)

Diện tích trồng chè của các hộ tham gia HTX và các hộ không tham gia HTX

Diện tích chè của hộ điều tra tại vùng nghiên cứu được thể hiện ở bảng sau:

Bảng 3: Cơ cấu diện tích đất trồng chè của các hộ điều tra

Chỉ tiêu	Tham gia HTX		Không tham gia HTX		Tổng
	Sào	%	Sào	%	
Diện tích trung bình	7,70	-	8,24	-	15,94
Tổng diện tích	231	49,25	239	50,75	469

(Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra, năm 2016)

Tổng diện tích trồng chè của các hộ điều tra là 469 sào. Trong đó diện tích chè của nhóm hộ tham gia vào HTX là 231 sào (chiếm 49,25%) và nhóm hộ không tham gia vào HTX là 239 sào (chiếm 50,75%), ta thấy diện tích chè của nhóm hộ không tham gia vào HTX lớn hơn nhóm hộ tham gia vào HTX là 8 sào tức là 1,5%.

Diện tích trung bình trồng chè của các hộ tham gia vào HTX là 7,7 sào nhỏ hơn các hộ không tham gia vào HTX là 8,24 sào.

Cơ cấu giống chè của các hộ tham gia HTX và các hộ không tham gia HTX

Cơ cấu giống chè cũng góp phần ảnh hưởng đến năng suất và sản lượng chè của các hộ. Cơ cấu giống chè của các hộ tham gia và không tham gia HTX được thể hiện thông qua bảng 4.

Bảng 4: Cơ cấu giống chè của các hộ điều tra

Giống chè	Hộ tham gia HTX		Hộ không tham gia HTX	
	Sào	%	Sào	%
Kim Tuyên	5	2	7	3
Trung du	7	3	3	1
Phúc Vân Tiên	4	1	9	4
Tri 777	150	61	149	60
Lai LDP1	81	33	77	32

(Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra, năm 2016)

Bảng 5: Tình hình sản xuất chè của hộ tham gia HTX và hộ không tham gia HTX

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Loại hộ		Bình quân chung
			Tham gia HTX	Không tham gia HTX	
1	Diện tích	Sào/hộ	7,70	8,24	7,79
2	Năng suất	Kg/sào	15,97	14,76	15,37
3	Giá bán bình quân	Đồng	184.000	166.207	175.103
4	Giá trị sản xuất	Đồng	22.536.333	20.349.310	21.442.821

(Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra, năm 2016)

Qua bảng 4 cho thấy hầu hết diện tích chè của các hộ đều là giống Lai LDP1 và TRI 777. Cơ cấu giống Lai LDP1 hộ tham gia HTX chiếm 33% cao hơn không đáng kể hộ không tham gia HTX là 32%, giống TRI 777 của hộ tham gia HTX là 61% cao hơn một chút hộ không tham gia là 60% và cơ cấu các giống chè truyền thống như Phúc Vân Tiên, Kim Tuyên của hộ tham gia HTX thấp hơn hộ không tham gia HTX. Hiện nay do xu hướng chuyển đổi giống cây trồng mới đã phổ biến rộng rãi trên địa bàn xã nên hầu hết các hộ sản xuất

chè đã trồng các giống mới là TRI 777 và lai LDP1. Các giống chè mới đem lại năng suất cao hơn các giống chè cũ, dễ chăm sóc và thu hoạch hơn, giá cả cũng khá ổn định. Chính vì vậy, diện tích trồng các giống chè mới ngày càng tăng và có xu hướng thay thế các giống chè truyền thống có năng suất không cao.

Tình hình sản xuất chè của các hộ tham gia vào HTX và hộ không tham gia HTX:

Để đánh giá tình hình sản xuất của hộ và so sánh được hiệu quả kinh tế của hộ tham gia và HTX và hộ không tham gia HTX, ngoài

tiêu chí chung còn các tiêu chí khác được nghiên cứu như: diện tích, năng suất, giá bán, chi phí đầu vào... cũng ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế mà các loại chè đem lại. Các chỉ tiêu được thể hiện qua bảng 5.

Từ bảng số 5 cho thấy, diện tích trồng chè của hộ tham gia HTX và hộ không tham gia HTX có sự chênh lệch đáng kể. Đối với hộ không tham gia vào HTX diện tích bình quân theo hộ là 8,24 sào/hộ gấp khoảng 1,07 lần diện tích chè của hộ tham gia vào HTX, diện tích chè của hộ tham gia HTX bình quân là 7,7 sào/hộ.

Về năng suất chè của hộ tham gia vào HTX đạt 15,97kg/sào/lúa, còn năng suất của hộ không tham gia HTX đạt 14,76 kg/sào/lúa. Năng suất của các hộ tham gia vào HTX gấp 1,08 lần so với hộ không tham gia vào HTX.

Về giá bán bình quân cũng thể hiện sự chênh lệch giữa hộ tham gia vào HTX và hộ không

tham gia vào HTX. Giá bán chè bình quân của hộ tham gia HTX là 184.000đồng/kg chiếm 52,54% cao gấp 1,11 lần giá bán chè bình quân của hộ không tham gia HTX là 166.207đồng/kg.

Khi tham gia vào HTX do được hỗ trợ về kỹ thuật chăm sóc nên năng suất của hộ tham gia HTX và chất lượng cao hơn hộ không tham gia HTX.

So sánh chi phí sản xuất chè của hộ tham gia HTX và hộ không tham gia HTX:

Trong quá trình sản xuất của mỗi hộ, chi phí đầu tư cho mỗi loại cây trồng là khác nhau, tùy thuộc vào mục đích sản xuất mà mỗi hộ có mức đầu tư cho chè khác nhau.

Đi sâu vào nghiên cứu tình hình sản xuất chè của các hộ, kết quả thu được cho thấy sự chênh lệch rõ rệt giữa hộ tham gia vào HTX và hộ không tham gia vào HTX, thể hiện như ở bảng 6.

Bảng 6: So sánh chi phí đầu vào bình quân 1 sào chè/năm của hộ tham gia HTX với hộ không tham gia HTX

Chi tiêu	DVT	Tham gia HTX			Không tham gia HTX			So sánh hộ không TG/hộ TG
		Lượng bón TB	Đơn giá bình quân (đồng)	Thành tiền (đồng)	Lượng bón TB	Đơn giá bình quân (đồng)	Thành tiền (đồng)	
I. chi phí trung gian				2.384.033			2.927.393	1,23
Đạm	Kg	58,6	7.000	410.200	98,62	7000	690.340	1,68
Lân	Kg	201,67	4.000	806.680	314,83	4000	1.259.320	1,56
Kali	Kg	10,7	10.000	107.000	15,52	10000	155.200	1,45
Phân chuồng		1040	800	832.000	455,17	800	364.136	0,43
Thuốc BVTV	Bình	14,73	16.100	237.153	28,89	15.867	458.397	1,93
II. công lao động				9.931.900			10.227.200	1,03
Làm cỏ	Công	14.67	100.000	1.467.000	14,86	100.000	1.486.000	1,01
Hái chè	Công	60,3	120.000	7.236.000	62,00	120	7.440.000	1,03
Đốn chè	Công	1,33	100.000	133.000	1,00	100.000	100.000	0,75
Chế biến	Công	8,43	130.000	1.095.900	9,24	130.000	1.201.200	1,1
Tổng chi phí				12.315.933			13.154.593	1,07

(Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra, năm 2016)

Qua bảng trên cho thấy: Mức độ đầu tư của 2 nhóm hộ tham gia vào HTX và không tham gia vào HTX có sự khác biệt rõ rệt. Chi phí trung gian của các hộ như sau: Hộ tham gia HTX là 2.384.033 đồng/sào/năm, hộ không tham gia HTX là 2.927.393 đồng/sào/năm. Chi phí sản xuất cho 1 sào chè của hộ không tham gia HTX lớn hơn hộ tham gia HTX. Tuy nhiên với sự phát triển chung của xã và mong muốn tăng năng suất, chất lượng sản phẩm chè thì mức đầu tư này khá hợp lý và đem lại hiệu quả kinh tế cho hộ trong điều kiện quỹ đất sản xuất hạn chế và không có khả năng mở rộng.

Phân hóa học được các hộ không tham gia HTX sử dụng nhiều, bởi loại phân này kích thích sự nảy mầm chè nhanh, thời gian thu hái nhanh hơn các loại phân hữu cơ. Tuy nhiên lạm dụng quá mức trong sử dụng loại phân này lại không đảm bảo chất lượng sản phẩm chè và không an toàn cho người sử dụng.

Với mục tiêu sản xuất ra sản phẩm chè an toàn và chất lượng đến tay người tiêu dùng, các hộ đã sử dụng phân chuồng, lân, đạm, kali bón cho chè với liều lượng phù hợp.

Lượng phân bón cho chè của hộ tham gia HTX và hộ không tham gia HTX có sự chênh lệch đáng kể, cụ thể: Phân đạm hộ không tham gia HTX lớn hơn hộ tham gia HTX 1,68 lần, phân lân 1,56 lần, phân kali 1,45 lần. Các hộ tham gia HTX sử dụng phân chuồng nhiều hơn hộ không tham gia HTX là 2,28 lần bởi loại phân này cung cấp vi sinh tốt nhất để cải tạo chất lượng đất.

Thuốc bảo vệ thực vật là khâu chăm sóc không thể thiếu trong quá trình sản xuất chè. Hộ không tham gia HTX sử dụng lượng thuốc BVTV cao gấp 1,93 lần hộ tham gia HTX. Việc các hộ lạm dụng quá nhiều thuốc BVTV không những làm giảm chất lượng chè mà còn ảnh hưởng đến môi trường xung quanh. Điều này đã làm giảm uy tín chè về chất

lượng sản phẩm chè trên thị trường, ảnh hưởng đến sức khỏe con người.

Các hộ tham gia HTX hộ tham gia chương trình sản xuất chè theo tiêu chuẩn UTZ Certified, chương trình sản xuất chè an toàn, hộ được tập huấn các kỹ thuật sản xuất chè nên nhận thức về cách sử dụng các loại thuốc BVTV được nâng cao.

Về công lao động của hộ không tham gia HTX cao hơn hộ tham gia HTX 1,03 lần. Chi phí về lao động khá cao cho 1 sào chè trong 1 năm nhưng chủ yếu là lao động tại gia đình hoặc có sự đổi công giữa hộ gia đình.

Đầu tư là khâu tác động trực tiếp đến năng suất, chất lượng chè của nông hộ. Nếu như chỉ có khai thác mà không đầu tư chăm sóc thì sẽ không tồn tại được lâu dài. Điều này đòi hỏi người làm chè phải tính toán, xem xét mức đầu tư hợp lý, giảm chi phí đầu tư thấp nhất mà năng suất, chất lượng chè vẫn đảm bảo tốt nhất.

Đây là câu hỏi lớn đặt ra đối với người làm chè nói riêng và trong sản xuất nông nghiệp nói chung, buộc họ phải có những tính toán cụ thể và nghiêm túc thì mới có thể đạt được hiệu quả sản xuất kinh tế cao nhất.

Về tiêu thụ của hộ nghiên cứu:

Về doanh thu từ chè của hộ sản xuất được thể hiện qua bảng 7.

Bảng 7: Doanh thu từ chè của hộ tham gia HTX và hộ không tham gia HTX

Chỉ tiêu	Đơn vị	Hộ tham gia HTX	Hộ không tham gia HTX
Giá bán BQ	Đồng	184.000	166.207
Nơi bán	HTX	8	0
	Chợ	0	24
	Chợ và HTX	22	6
Thị trường	Ổn định	28	11
	Không ổn định	2	19

(Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra, năm 2016)

Bảng 8: Kết quả sản xuất chè của hộ tính bình quân 1 sào/năm

ĐVT: Đồng

Chỉ tiêu	Loại hộ	
	Hộ tham gia HTX (n=30)	Hộ không tham gia HTX (n=30)
1.GO	22.536.333	20.349.310
2.IC	2.384.033	2.927.393
3.VA	20.152.300	17.421.917
4.TC	12.315.933	13.154.593
5.Pr	10.220.400	7.194.717

(Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra, năm 2016)

Qua bảng 7 ta thấy, giá bán bình quân của hộ tham gia HTX là 184.000 đồng cao hơn hộ không tham gia HTX là 166.207 đồng.

Qua điều tra thấy 100% các hộ trồng chè đều chế biến và bán chè khô ra thị trường là chợ và HTX. Các hộ tham gia vào HTX bán chè cho HTX thu mua theo hợp đồng, số lượng chè còn lại đem ra chợ bán còn các hộ không tham gia HTX thì 80% bán ra chợ và một số hộ có thị trường vào HTX và chợ.

Khi tham gia vào HTX các hộ phải sản xuất ra sản phẩm chè đạt tiêu chuẩn để ra trong hợp đồng, trong khi nhiều hộ tuy tham gia vào HTX nhưng vẫn chưa sản xuất ra sản phẩm đạt yêu cầu chính vì vậy thị trường của các hộ này hầu như vẫn là chợ.

Thị trường tiêu thụ chè của hộ tham gia HTX ổn định hơn, 28 hộ có thị trường tiêu thụ ổn định gấp 2,5 lần hộ không tham gia HTX là 11 hộ có thị trường ổn định.

Khi tham gia vào HTX các hộ có thị trường ổn định hơn, giá bán cao hơn so với hộ không tham gia HTX từ đó thu nhập từ chè của các hộ tham gia HTX luôn ổn định và cao hơn, nâng cao chất lượng cuộc sống.

Phân tích kết quả sản xuất 1 sào chè của các hộ nghiên cứu trong 1 năm

Đánh giá vai trò của HTX trong sản xuất và tiêu thụ chè an toàn chỉ mang tính chất tương đối, bởi nó còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố, vì vậy rất khó để đánh giá chính xác và có cái nhìn đúng đắn trong sản xuất chè. Và để đánh giá được 1 phần nào đó vai trò của HTX, ta đi xét hiệu quả kinh tế mà cây chè đem lại cho các hộ trồng chè. Kết quả sản xuất được phản ánh ở bảng 8.

Qua bảng 8 ta thấy kết quả sản xuất của hộ tham gia HTX và hộ không tham gia HTX có sự chênh lệch rõ rệt như sau:

+ Giá trị sản xuất: Giá trị sản xuất của hộ tham gia HTX là 22.536.333 đồng cao hơn hộ không tham gia HTX là 20.349.310 đồng.

+ Chi phí trung gian: Hộ tham gia HTX có chi phí trung gian là 2.384.033 đồng thấp hơn

hộ không tham gia HTX là 2.927.393 đồng do các hộ tham gia HTX tham gia vào HTX được tập huấn kỹ thuật về giống, phân bón, thuốc BVTV nên giảm được chi phí trung gian một cách hiệu quả hơn so với hộ không tham gia HTX.

+ Tổng chi phí của hộ không tham gia HTX là 13.154.593 đồng cao gấp 1,07 lần so với hộ tham gia HTX là 12.315.933 đồng do các hộ không tham gia HTX áp dụng sản xuất theo kinh nghiệm bản thân, ít tham gia vào các lớp tập huấn kỹ thuật vì vậy việc sản xuất còn tràn lan, chưa giảm được chi phí sản xuất.

+ Một năm hộ tham gia HTX thu được lợi nhuận từ 1 sào chè là 10.220.400 đồng cao hơn gấp 1,42 lần hộ không tham gia HTX là 7.194.717 đồng.

Từ những chỉ tiêu trên cho thấy hộ tham gia HTX có kết quả sản xuất cao hơn hộ không tham gia HTX bởi các hộ tham gia HTX khi tham gia vào HTX được hỗ trợ về các lớp tập huấn cũng như thị trường tiêu thụ ổn định hơn nên hiệu quả sản xuất cao hơn, nâng cao thu nhập cho các hộ trồng chè.

So sánh kết quả và hiệu quả sản xuất chè an toàn của hộ tham gia HTX và hộ không tham gia HTX

Nhóm nghiên cứu đã tính toán và so sánh hiệu quả kinh tế của sản xuất chè an toàn giữa các hộ tham gia và không tham gia HTX. Kết quả được thể hiện ở Bảng 9.

Hai nhóm hộ tham gia HTX và không tham gia HTX có sự chênh lệch về kết quả và hiệu quả sản xuất rõ rệt. Nhóm hộ tham gia HTX có mức đầu tư khá hợp lý và sản phẩm chất lượng, bán được giá cao nên tất cả các chỉ tiêu đều cao hơn so với nhóm hộ không tham gia HTX dẫn đến hiệu quả kinh tế cũng cao hơn. Điều này cho thấy việc chăm sóc chè đúng cách, việc áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất chè rất cần thiết, giúp tăng năng suất và chất lượng sản phẩm chè. Từ đó thấy được vai trò của HTX chè đối với sản xuất chè của các hộ rất quan trọng, nâng cao thu nhập cho các hộ trồng chè mang lại hiệu quả kinh tế cao.

Bảng 9: So sánh hiệu quả sản xuất chè trên một sào/năm của các hộ điều tra năm 2016

Chi tiêu	Đơn vị tính	Loại hình sản xuất		DVT: Đồng
		Hộ tham gia HTX (n=30)	Hộ không tham gia HTX (n=30)	Bình quân (n=60)
1.GO/Diện tích	Đồng /sào	22.536.333	20.349.310	21.442.821
2.VA/Diện tích	Đồng/sào	20.152.300	17.421.917	18.787.108
3.IC/Diện tích	Đồng/sào	2.384.033	2.927.393	2.655.713
4.Pr/Diện tích	Đồng/sào	10.220.400	7.194.717	8.707.558
5.GO/IC	Lần	9,45	6,95	8,07
6.VA/IC	Lần	8,45	5,95	7,07
7.Pr/IC	Lần	4,29	2,46	3,28

(Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra, năm 2016)

Một số giải pháp để nâng cao vai trò của HTX trong sản xuất chè an toàn

Các cấp chính quyền trong địa phương cần tạo điều kiện hỗ trợ HTX trong việc mở rộng mặt bằng nhà xưởng và trụ sở làm việc.

Ban quản lý HTX cần tích cực xây dựng thương hiệu cho sản phẩm chè, tiếp tục mở các lớp tập huấn kỹ thuật cho chè từ khâu giống, chăm sóc đến chế biến để sản phẩm ngày càng chất lượng, tạo sự khác biệt so với sản phẩm chè của các vùng khác. Cần có sự vào cuộc của các bên liên quan như Sở công thương, Trung tâm xúc tiến Thương mại và các ban ngành đoàn thể trong công tác tuyên truyền về sản phẩm UTZ Certified, sản phẩm VietGAP, để từ đó người tiêu dùng thấy được giá trị của sản phẩm và công sức của các thành viên trong HTX trong sản xuất chè theo tiêu chuẩn UTZ Certified, theo tiêu chuẩn VietGAP sẵn sàng chi trả giá cao hơn, là nguồn động viên để HTX tiếp tục mở rộng diện tích sản xuất chè an toàn theo tiêu chuẩn UTZ Certified, theo tiêu chuẩn VietGAP.

Sử dụng Website để quảng bá giới thiệu sản phẩm, xúc tiến thương mại.

KẾT LUẬN

Qua quá trình điều tra, nghiên cứu về vai trò của HTX trong sản xuất chè an toàn tại tỉnh Thái Nguyên, chúng tôi đưa ra một số kết luận như sau:

Thái Nguyên là tỉnh có điều kiện thuận lợi về tự nhiên cũng như tiềm năng trong việc sản xuất, kinh doanh chè. Phát triển cây chè là hướng đi đúng đắn, hiệu quả nhằm khai thác

tốt tiềm năng, thế mạnh của vùng, nâng cao thu nhập cho các hộ nông dân.

Qua so sánh quá trình sản xuất giữa hộ tham gia HTX và hộ không tham gia HTX chúng tôi nhận thấy có sự khác biệt rõ rệt giữa hai nhóm hộ, cụ thể là: Năng suất của hộ tham gia HTX là 15,97kg/sào cao hơn hộ không tham gia HTX là 14,76kg/sào; giá bán bình quân của hộ tham gia HTX là 184.000 đồng/kg cao hơn hộ không tham gia HTX là 166.207 đồng/kg; giá trị sản xuất của hộ tham gia HTX là 22.536.333 đồng/năm còn hộ không tham gia HTX là 20.349.310 đồng/năm; chi phí trung gian hộ tham gia HTX là 2.079.029 thấp hơn hộ không tham gia HTX là 2.316.876 đồng. Từ những khác biệt trên chúng tôi tìm hiểu được một số vai trò của HTX trong sản xuất chè như sau:

Hợp tác xã có vai trò quan trọng trong sản xuất chè an toàn như: Giảm việc sử dụng thuốc BVTV và lạm dụng phân bón hóa học, việc này giúp các hộ nông dân giảm chi phí sản xuất và đảm bảo môi trường sản xuất an toàn, sạch sẽ, ngăn ngừa hạn chế rủi ro từ các mối nguy cơ gây nguy hiểm tới người trồng chè và môi trường sản xuất.

Hợp tác xã có vai trò trong tiêu thụ sản phẩm như: tìm thị trường đầu ra tương đối ổn định cho các hộ tham gia HTX, thu mua sản phẩm chè theo hợp đồng lâu dài và có giá cao hơn thị trường từ đó thu nhập của các hộ được nâng cao.

Ngoài ra HTX còn tổ chức các lớp tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật cho các hộ

tham gia vào HTX như các lớp tập huấn kỹ thuật sao sấy chè, các lớp tập huấn về chăm sóc, bảo quản chè theo tiêu chuẩn giúp nâng cao hiệu quả sản xuất chè cho các hộ..

Do nhiều yếu tố tác động đến HTX như trình độ quản lý của Ban quản lý còn hạn chế, mặt bằng chế biến còn chật hẹp, thiếu vốn sản xuất... nên vai trò của HTX trong sản xuất chè an toàn chưa được phát huy triệt để. Tuy nhiên nhìn chung các hộ tham gia HTX có nhiều thay đổi tích cực đến sản xuất của các hộ như thu nhập tăng lên, lao động có việc làm ổn định, chất lượng chè tăng lên từ đó giá thành sản phẩm chè cũng tăng lên góp phần cải thiện cuộc sống của hộ dân.

SUMMARY

RESEARCH ROLE OF COOPERATIVE SECURITY IN TEA PRODUCTION AT THAI NGUYEN

Luu Thi Thuy Linh, Nguyen Son Hai*,
Vu Xuan Quy, Hung Ngoc Dung, Hoang Van Duong
University of Agriculture and Forestry - TNU

Thai Nguyen is the major tea areas and has the nationally advantage in terms of natural conditions as well as in safe-tea production. Additionally, the emergence of co-operative in safe-tea production is considered a new way to enhance the value of the tea, bring higher income for the people in order to increase competitiveness in the market as well as create conditions for mutual assistance under the co-operative model. Therefore, the study was conducted to investigate the role of the co-operative in tea production safety in Thai Nguyen province, with the aim to evaluate the advantages and disadvantages, opportunities, challenges and discover measures to enhance the role of the co-operative model in safe-tea production.

Keywords: *research, the role of cooperatives, safe tea production, Thai Nguyen*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Ty (2001), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về Hợp tác xã*, Nhà xuất bản chính trị quốc gia.
2. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2012), *Luật Hợp tác xã*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội
3. Trung tâm hỗ trợ phát triển HTX và doanh nghiệp vùng Đồng bằng Bắc bộ TP Hải Phòng (2008), *Mô hình kinh Hải Phòng* (2013), *Một số những điểm mới trong Luật HTX năm 2012*.
4. Hợp tác xã chè Tân Hương, Hương Trà, Thiên Phú Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015 và phương hướng năm 2016 của HTX chè Tân Hương, HTX Hương Trà, HTX Thiên Phú.
5. Nguyễn Ái Quốc (1993), *Những hình thức hợp tác nông nghiệp – Bước chuyển căn bản từ mô hình cũ sang hình thức mới*, Nhà xuất bản sự thật, Hà Nội

Ngày nhận bài: 24/9/2016; Ngày phân biên: 06/10/2016; Ngày duyệt đăng: 31/3/2017

* Tel: 01652 338323, Email: nguyensonhai368@gmail.com